

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/3/2025.

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Công.

2. Ông Nguyễn Văn Xuôi.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Quế Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long đưa ra xét xử sơ thẩm bằng hình thức trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 520/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2025/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị Q, sinh năm: 1995 (có mặt).

Nhà chæ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị Q là Luật sư: Trầm Phú L - Thuộc Công ty L3 - Chi nhánh T1. Địa chỉ: số A, Phạm Ngũ L1, Khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1991 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến điểm cầu trung tâm có ông Đinh Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2023, và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Q trình bày:

Trước đây vào năm 2018 chị với anh Nguyễn Hoàng N tự tìm hiểu quen biết nhau, sau đó dẫn đến cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2018. Trong quá trình sống chung chị với anh N có 02 con chung tên cháu

Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2020, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường xuyên cãi nhau, anh N không quan tâm đến vợ con, gia đình không còn hạnh phúc chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của chị với anh N không có hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được, nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh N, về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng Thiên K và Nguyễn Hoàng Thiên L2, chị Q không yêu cầu anh N phụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N trình bày:

Vào tháng 8 năm 2018 anh với chị Phạm Thị Q tự tìm hiểu quen biết nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh, sau khi kết hôn sống tại nhà cha mẹ anh địa chỉ: số C, Khu N, phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh, sống chung được khoảng 3 năm, sau đó ra ở riêng tại địa chỉ: số B, T, quận T, đến tháng 6 năm 2022 vợ chồng anh dọn về quê vợ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh lúc đầu có hạnh phúc, đến khi anh phát bệnh thì vợ chồng liên tục phát sinh mâu thuẫn, anh thấy vợ có biểu hiện lạ mới lấy điện thoại của vợ xem thì mới biết vợ ngoại tình từ đó anh bị sốc liên tục nhập viện, việc vợ anh ngoại tình bên vợ ai cũng đều biết. Anh với chị Q sống với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2020.

Về nợ chung: nếu có thì anh và Q tự giải quyết với nhau.

Về tài sản chung: anh có mang 700.000.000 đồng về cất 01 căn nhà tường cấp 4 trên đất của cha mẹ vợ tại ấp T, xã T, huyện C.

Nay Quyển xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

Qua biên bản xác minh của ông Phạm Văn T là cha ruột của chị Phạm Thị Q có nhà gần kề bên nhà chị Q, ông cho biết Phạm Thị Q và Nguyễn Hoàng N tự tìm hiểu quen biết nhau và tổ chức đám cưới, sau ngày cưới Q và N sống tại nhà bên chồng tại Thành Phố Hồ Chí Minh, và sinh được 02 con chung tên cháu Thiên L2 và cháu Thiên K, theo ông biết vợ chồng Q và N không có thiếu nợ chung của ai, và tài sản chung thì có căn nhà tường cấp 4 xây dựng trên đất của ông chưa tách giấy. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do lúc N và Q còn sống chung Q thường đi chơi về khuya 10 đến 11 giờ đêm nên N có nói với ông và ông có chửi la Q nhưng Q không nghe lời ông, từ đó vợ chồng có chuyện mâu thuẫn và N đã đi Thành Phố Hồ Chí Minh cho đến nay đã hơn một năm không thấy về, nghe nói N ở Thành Phố để điều trị bệnh, còn việc Q xin ly hôn với N ông không đồng ý.

Qua biên bản xác minh ngày 05 tháng 02 năm 2025 của ông Phạm Văn G trưởng ban N1, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho biết, trước đây vào khoảng năm 2023 Nguyễn Hoàng N là chồng của Phạm Thị Q có đến báo sự việc cho ông biết là Q ngoại tình với người đàn ông khác nếu để N bắt gặp là đâm chết bỏ, từ đó dưới góc độ địa phương thì ông cũng có đến gia đình cha mẹ Q để khuyên răn hai đứa, và sau đó N bỏ đi Thành Phố H điều trị bệnh ít khi về nhà ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để lại 02 con cho Q nuôi dưỡng hàng ngày, về tài sản thấy vợ chồng Q và N có xây

dựng 01 căn nhà tường cấp 4 trên đất của cha ruột Q, còn nợ chung thì không nghe thiếu ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm nghị án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 70; 71; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Phạm Thị Q đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn anh Nguyễn Hoàng N không chấp hành theo giấy triệu của Tòa án, nhưng có bản tự khai và có yêu cầu cụ thể, tại phiên tòa xét xử hôm nay anh nhân vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung vụ án:

Nhận thấy chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Hoàng N xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án anh N không đồng ý ly hôn nhưng anh không có thiện chí hàn gắn thể hiện anh không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án triệu tập để đưa ra phương hướng hàn gắn giữa vợ chồng, từ đó cho thấy anh N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án hôn nhân này. Mặc khác tại biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi chị Q và anh N sinh sống thấy rằng vợ chồng anh chị đã ly thân từ 2023 đến nay không ai quan tâm nhau, thiết nghĩ nếu cho anh chị hàn gắn thì cũng không hạnh phúc, nhận thấy hôn nhân giữa anh N và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị Q và anh N thống nhất có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16/11/2018 và Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07/10/2020, hiện đang sống chung với chị Q. Xét thấy từ khi ly thân 02 cháu đều sống với chị Q và được chăm sóc chu đáo về mọi mặt, do đó để đảm bảo cho cháu phát triển về thể chất và tinh thần nghĩ nên chấp nhận cho chị Q được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Q không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung: không có không xem xét giải quyết.

Áp dụng: khoản 1, Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q.

Về hôn nhân: chị Phạm Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N

Về con chung: Phạm Thị Q được chăm sóc nuôi dưỡng Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16/11/2018 và Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07/10/2020.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Q không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Q phải chịu theo quy định.

Luật sư Trầm Phú L bảo vệ quyền và ích hợp pháp cho chị Phạm Thị Q có ý kiến phát biểu: chị Phạm Thị Q với anh Nguyễn Hoàng N tự tìm hiểu quen biết dẫn đến cưới nhau và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sống chung với nhau có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018, và cháu Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2020, hiện chị Q đang trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung có xây dựng 01 căn nhà tường cấp 4 trên đất của cha mẹ ruột chị Q, nợ chung không có thiếu ai, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh N hay ghen tương vô cớ dẫn đến xung đột 02 người không có tiếng nói chung và anh N bỏ mặt mẹ con chị đi Thành Phố Hồ Chí Minh và sống ly thân từ năm 2023 đến nay, xét thấy hôn nhân của chị Q và anh N đã rạn nứt từ lâu không thể hàn gắn đoàn tụ được, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Q được ly hôn với anh N. Về con chung chị Q xin được tiếp tục nuôi 02 con chung vì hiện nay 02 con chung đang sống với chị Q, về tài sản chung: có nhưng chị Q để tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có, nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Hoàng N xác lập quan hệ hôn nhân, và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung chị Phạm Thị Q với anh Nguyễn Hoàng N có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2020, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh N hay ghen tương cho rằng chị Q ngoại tình, bỏ mặt mẹ con chị không lo cuộc sống cho gia đình, thường xuyên chơi game, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến hai người sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

[2] Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Hoàng N không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được, nên chị Phạm Thị Q làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N, về con chung chị Phạm Thị Q xin được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Thiên K và cháu Nguyễn Hoàng Thiên L2 chị Q không yêu cầu anh N phụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về tài sản chung; có nhưng để tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có, nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đối với anh Nguyễn Hoàng N, Tòa án có triệu tập nhiều lần nhưng anh cố tình vắng mặt không có lý do, nên không tổ chức hoà giải được theo yêu cầu của anh cũng như hoà giải đoàn tụ, mặt dù anh N cũng đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thông báo cho anh biết. Do anh N vắng mặt xem như anh từ bỏ quyền lợi của anh tại phiên tòa.

[4] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng ở đây hai

người sống với nhau được 02 đứa con chung, anh N không lo làm ăn nuôi con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình, mà anh bỏ mặt không quan tâm đến mẹ con chị Q để chị tự nuôi con một mình lúc còn sống chung thì anh hay thường ghen tương. Từ đó nên chị Q quyết định xin ly hôn với anh N. Và qua xác minh người thân ông Phạm Văn T là cha của chị Q thì vợ chồng chị quyền có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất của ông, còn nợ chung thì không có, chỉ có 02 đứa con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng mục đích hôn nhân của chị Phạm Thị Q với anh Nguyễn Hoàng N không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ hai người đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy việc chị Phạm Thị Q xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Q là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[5]Về con chung: do cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07 tháng 10 năm 2020, chưa đủ 7 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, mặt khác 02 cháu cũng đang sống với chị Q, nghĩ nên giao cho chị Q trực tiếp nuôi cháu Thiên K và Thiên L2 là phù hợp với thực tế và pháp luật, về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Q chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về tài sản chung: có nhưng do chị Phạm Thị Q tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: do chị Phạm Thị Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]Án phí: chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh N không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Quan điểm của Vị kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vị Luật sư là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1, điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238, và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: các Điều 19; 56; 69;81;82;83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Q.

Cho chị Phạm Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

Về con chung: chị Phạm Thị Q được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2018 và cháu Nguyễn Hoàng Thiên L2, sinh ngày 07

tháng 10 năm 2020, chị Q chưa yêu cầu anh Nguyễn Hoàng N cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dạy con chung không ai được quyền ngăn cấm hoặc cản trở.

Về tài sản: có nhưng để tự thỏa thuận chị Q không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: chị Phạm Thị Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà chị Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000243, ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh. Nên chị Q không phải nộp thêm tiền án phí.

Anh Nguyễn Hoàng N không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho chị Phạm Thị Q biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Anh Nguyễn Hoàng N vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b, và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Văn Tâm